

Bản án số: 36/2020/KDTM-ST
Ngày: 17/8/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng kinh tế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thu Hà**

Các Hội thẩm nhân dân : **Ông Đỗ Quang Linh**

Ông Đào Văn Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Tuyền - Là thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLST- KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng kinh tế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2020/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X

Địa chỉ: Thôn Nhị Giáp, xã D, huyện D, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hữu T- Chủ tịch kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Đức Khánh, sinh năm 1998, địa chỉ: Phòng 403 tầng 4 số 85 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 14/5/2020). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn Hưng- Luật sư Công ty Luật TNHH Hồng Bách và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần S

Địa chỉ: Số 17/1/111 Nguyễn Xiển, phường H, quận T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cao N- Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X do anh Nguyễn Đức Khánh là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X và Công ty cổ phần S ký kết hợp đồng kinh tế số 0801.2018/HĐKT/XH-SMĐV năm 2018 về việc cho thuê và vận hành cầu thùng tại dự án Vincom Plaza Sơn La với nội dung: Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X cho Công ty cổ phần S thuê và vận hành cầu thùng thực hiện dự án Vincom Plaza Sơn La, đơn giá: giờ hành chính 66.000.000 đồng/tháng (26 ca/tháng, 8h/ca, giá đã bao gồm VAT 10%), giờ tăng ca: 400.000 đồng/giờ (giá đã bao gồm VAT 10%), thời hạn thanh toán: Công ty cổ phần S phải thanh toán cho Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X trong vòng 15 kể từ ngày Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X xuất hóa đơn VAT. Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X đã thực hiện đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng, cụ thể: Tại bản thỏa thuận về việc thanh toán tiền cho nhà thầu phụ ngày 07/6/2018 và biên bản làm việc ngày 11/9/2018 Công ty cổ phần S đã xác nhận Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X đã thực hiện xong khối lượng công việc theo quy định của hợp đồng kinh tế số 0801.2018/HĐKT/XH-SMĐV năm 2018 về việc cho thuê cầu thùng và đã được xác nhận khối lượng công việc hoàn thành. Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X đã xuất 03 hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty cổ phần S với tổng số tiền là 341.969.231 đồng. Đến nay, Công ty cổ phần S đã thanh toán cho Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X số tiền 55.000.000 đồng. Ngoài ra, Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X giảm công nợ với số tiền là 40.000.000 đồng cho Công ty cổ phần S. Nay Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X yêu cầu Công ty cổ phần S phải thanh toán trả cho Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X số tiền gốc còn nợ là 246.969.231 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 20/5/2020 là 49.461.509 đồng và tiền lãi phát sinh cho tới thời điểm Công ty cổ phần S hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X.

Bị đơn là Công ty cổ phần S đã được Tòa án niêm yết và tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy báo, thông báo cung cấp tài liệu, chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không đến Tòa án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần S phải thanh toán trả cho Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X số tiền gốc còn nợ là 246.969.231 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất là 14,58%/năm tính từ ngày 12/9/2018 đến ngày 17/8/2020 là 69.994.528 đồng.

Bị đơn là Công ty cổ phần S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật, nên vụ án bị kéo dài thời hạn xét xử vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X về việc yêu cầu Công ty cổ phần S phải thanh toán khoản tiền nợ của hợp đồng kinh tế số 0801.2018/HĐKT/XH-SMĐV năm 2018. Buộc Công ty cổ phần S phải thanh toán trả cho Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X số tiền nợ gốc là 246.969.231 đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất là 14,58%/năm được tính từ ngày 12/9/2018 đến ngày 17/8/2020; Công ty cổ phần S phải thanh toán tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật. Về án phí: Công ty cổ phần S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn là Công ty cổ phần S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Công ty cổ phần S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Văn Hưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Văn Hưng.

Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X và Công ty cổ phần S được thành lập hợp pháp và đều được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh. Năm 2018 Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X (Bên B) và Công ty cổ phần S (Bên A) đã ký hợp đồng kinh tế số 0801.2018/HĐKT/XH-SMĐV. Việc ký kết hợp đồng kinh tế giữa hai bên là hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty TNHH xây dựng thương mại

và dịch vụ X đã thực hiện đầy đủ theo quy định của hợp đồng, phía Công ty cổ phần S thực hiện chưa đầy đủ về nghĩa vụ thanh toán tiền. Nay phía Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X có đơn khởi kiện đề nghị Công ty cổ phần S phải thanh toán khoản tiền nợ gốc là 246.969.231 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về số tiền gốc: Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X đề nghị Công ty cổ phần S phải thanh toán khoản tiền nợ gốc là 246.969.231 đồng. Xét thấy, theo biên bản làm việc ngày 11/9/2018 người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần S là ông Nguyễn Cao Nguyên- Giám đốc đã ký biên bản làm việc với Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X nội dung xác nhận: Giá trị công nợ xác nhận đến thời điểm ngày 11/9/2018 là 246.969.231 đồng. Vì vậy, Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần S phải thanh toán trả số tiền nợ gốc của hợp đồng kinh tế số 0801.2018/HĐKT/XH-SMĐV năm 2018 là 246.969.231 đồng là có căn cứ, nên được chấp nhận. Do vậy, Công ty cổ phần S phải thanh toán trả số tiền nợ gốc 246.969.231 đồng cho Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X.

Về tiền lãi: Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X yêu cầu Công ty cổ phần S phải trả tiền lãi do chậm thanh toán tính theo mức lãi suất 14,58%/năm thì thấy: Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại thì tiền lãi do chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả; mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-chỉ nhánh Trung Yên, quận Thanh Xuân, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam-chỉ nhánh Thanh Xuân, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam-chỉ nhánh Thanh Xuân là 14,58%/năm, do đó phía Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X đề nghị về tiền lãi do chậm thanh toán theo lãi suất là 14,58%/năm là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về thời gian tính lãi: Thời gian tính lãi được tính từ ngày 12/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/8/2020 là 01 năm 11 tháng 05 ngày = 700 ngày được tính lãi trên số tiền gốc là 246.969.231 đồng, lãi suất 14,58%/năm; như vậy, số tiền lãi Công ty cổ phần S phải thanh toán cho Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X là $(246.969.231 \text{ đồng} \times 14,58\% : 365 \times 700 \text{ ngày}) = 69.056.656 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền gốc và lãi Công ty cổ phần S phải thanh toán cho Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X là: 246.969.231 đồng + 69.056.656 đồng = 316.025.887 đồng.

Về án phí: Công ty cổ phần S phải chịu 15.801.294 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X số tiền 7.413.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm b mục 1.4 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X về việc yêu cầu Công ty cổ phần S phải thanh toán khoản tiền nợ của hợp đồng kinh tế số 0801.2018/HĐKT/XH-SMDV năm 2018.

2. Buộc Công ty cổ phần S phải thanh toán trả cho Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X số tiền nợ gốc là 246.969.231 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm ba mươi một đồng) và số tiền lãi là 69.056.656 đồng (Sáu mươi chín triệu không trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng). Tổng cộng số tiền Công ty cổ phần S phải thanh toán trả cho Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X là 316.025.887 đồng (Ba trăm mười sáu triệu không trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Công ty cổ phần S phải chịu 15.801.294 đồng (Mười lăm triệu tám trăm linh một nghìn hai trăm chín mươi bốn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X số tiền 7.413.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006023 ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

4. Án xử công khai sơ thẩm, Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- THADS quận Thanh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hà